

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HS - ST
Ngày: 22-4-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Lâm.

2/ Ông Ngô Văn Đơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST – HS ngày 12/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/HSST – QĐ ngày 26/3/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cao Hoàng L**, sinh năm 1988. Tại: Bình Dương. Nơi ĐKKHKT: phường CM, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Cao Hoàng M và bà Lê Thị N; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 29/9/2006, Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án hình sự sơ thẩm số 214/2006/HSST; Ngày 07/7/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 05 năm tù về tội ‘Cướp giật tài sản’ theo bản án hình sự phúc thẩm số 83/2010/HSPT. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/5/2019 và tạm giam cho đến nay; Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1945. Địa chỉ: khu phố CL 6, phường CM, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1973 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại KLT. Địa chỉ: xã BM, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lục Thành L1, sinh năm 1970. Địa chỉ: xã BM, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2019); Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Võ Thị D, Nguyễn Thị Ngọc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/5/2019, Cao Hoàng L cùng với bạn là Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1996, ngụ tại ấp KD, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương đến Quán cà phê X thuộc khu phố CL 6, phường CM, thành phố M, tỉnh Bình Dương để uống nước. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày 18/5/2019, trong lúc ngồi uống nước thì L nhìn thấy ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1945 đang ngồi uống nước gần chỗ L, trên cổ ông B có đeo một sợi dây chuyền vàng. Thấy vậy, L liền nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng của ông B để mang bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày 18/5/2019, ông B trả tiền nước và ra về, khi ông B vừa ra khỏi Quán cà phê X thì L liền lấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 61G1-203.xx chạy theo phía sau ông B. Khi ông B đi bộ về được khoảng 100m thì L dừng xe mô tô cách ông B khoảng 10m, rồi chạy bộ đến chỗ ông B, L dùng tay phải giật mạnh sợi dây chuyền vàng của ông B đang đeo trên cổ. Thấy vậy, ông B liền nắm lấy sợi dây chuyền vàng làm cho sợi dây chuyền vàng đứt làm đôi nên L chỉ lấy được một đoạn sợi dây chuyền vàng. Tiếp đó, L chạy đến vị trí xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 61G1-203.xx định bỏ chạy thì ông B liền chạy đến nắm vào cản sau xe mô tô của L kéo lại. Liền đó, L tăng ga bỏ chạy kéo ông B ngã xuống đường. Sau khi giật được sợi dây chuyền vàng của ông B, L quay về quán cà phê X tiếp tục ngồi uống nước với N đến khoảng 17 giờ cùng ngày 18/5/2019, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 61G1-203.xx chở N đem theo đoạn dây chuyền vàng đến Tiệm vàng KLT địa chỉ tại xã BM, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh bán cho anh Lục Thành L1, sinh năm 1970 được số tiền 1.520.000 (Một triệu, năm trăm hai mươi nghìn) đồng. Sau đó, L sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết.

Về phía ông Nguyễn Văn B, sau khi bị Cao Hoàng L chiếm đoạt đoạn dây chuyền vàng, ông B đã đến Công an phường CM, thành phố M, tỉnh Bình Dương trình báo sự việc. Ngày 19/5/2019, qua công tác xác minh ban đầu, Công an phường CM đã yêu cầu L về trụ sở để làm việc. Tại đây, L đã khai nhận hành vi cướp giật đoạn dây chuyền vàng của ông B, Công an phường CM thu giữ: 02 (Hai) đoạn dây kim loại màu vàng.

Ngày 19/5/2019, Công an phường CM chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 06/07/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ra Quyết định trưng cầu giám định số: 399/QĐ trưng cầu Phân viện khoa học hình sự (C09B) - Bộ Công an xác định 02 (Hai) đoạn dây kim loại màu vàng có phải là kim loại vàng hay không và xác định trọng lượng. Ngày 19/7/2019, Phân viện khoa học hình sự (C09B) - Bộ Công an có Bản kết luận giám định số: 3385/C09B kết luận như sau: 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 3,0362gam có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng (Au) là 59,75%. 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 2,8580gam có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng (Au) là 60,18%.

Ngày 03/12/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có Công văn số: 112/CV-CSĐT gửi Sở tài chính tỉnh Bình Dương đề nghị cung cấp giá vàng loại vàng 610 tương đương hàm lượng vàng 61% mua vào, bán ra tại thời điểm ngày 18/5/2019. Ngày 11/12/2019 Sở tài chính tỉnh Bình Dương có Công văn số 4059/STC-GCS cung cấp nội dung như sau: Tại thời điểm ngày 18/5/2019 giá bán ra 01 chỉ vàng 610 tương đương hàm lượng vàng 61% bình quân tháng 5/2019 có giá là 2.240.530 (Hai triệu, hai trăm, bốn mươi nghìn, năm trăm ba mươi) đồng.

Căn cứ các tài liệu thu thập được cũng như theo Thông tư 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa Học và Công Nghệ quy định về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ theo khoản 1 Điều 6 thông tư này “Quy định chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ được phân hạng theo độ tinh khiết của vàng tương ứng với hàm lượng vàng”. Ngày 05/12/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ra Yêu cầu định giá tài sản số: 48/YC-CSĐT đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tiến hành định giá các tài sản sau: 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 3,0362gam có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng (Au) là 59,75% là loại vàng có trọng lượng 0,81 chỉ. 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 2,8580gam có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng (Au) là 60,18% là loại vàng có trọng lượng 0,76 chỉ.

Ngày 05/12/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có Bản kết luận định giá tài sản số 267/KLTS-TTHS kết luận như sau: 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 3,0362gam có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng (Au) là 59,75% là loại vàng có trọng lượng 0,81 chỉ có giá trị là $2.240.530/1\text{chỉ} \times 0,81\text{ chỉ} = 1.814.829$ đồng (Một triệu tám trăm mười bốn nghìn tám trăm hai mươi chín đồng). 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 2,8580gam có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng (Au) là 60,18% là loại vàng có trọng lượng 0,76 chỉ có giá trị là: $2.240.530/1\text{chỉ} \times 0,76 = 1.702.802$ đồng (Một triệu bảy trăm lẻ hai nghìn tám trăm lẻ hai đồng).

Đối với 01 (Một) đoạn dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 3,0362 gam có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng (Au) là 59,75% là loại vàng có trọng lượng 0,81 chỉ và 01 (Một) đoạn dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 2,8580 gam có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng (Au) là 60,18% là loại vàng có trọng lượng 0,76 chỉ. Ngày 22/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng số 32/QĐ-CSĐT-ĐTTH giao trả lại 02 (Hai) đoạn dây chuyền nêu trên cho ông Nguyễn Văn B. Đối với thương tích của ông B, do ông B xác định chỉ bị xây sát nhẹ và có đơn từ chối giám định thương tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý. Hiện tại, ông B không có yêu cầu gì đối với Cao Hoàng L nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển số 61G1-203.xx do Cao Hoàng L sử dụng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nêu trên do bà Lê Ngọc L2, sinh năm 1976, ngụ tại ấp KD, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe (Bà L2 là mẹ ruột của Nguyễn Thị Ngọc N). Ngày 18/5/2019, bà L2 cho N mượn xe mô tô nêu trên làm phương tiện đi lại. Sau đó, L mượn xe mô tô của N và sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội bà L2 không B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một không thu hồi xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc N quá trình điều tra xác định, N không B việc Cao Hoàng L cướp giật sợi dây chuyền của ông Nguyễn Văn B. Khi N cùng L đi bán sợi dây chuyền vàng thì L nói với N đây là sợi dây chuyền của L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với N.

Đối với hành vi mua vàng từ Cao Hoàng L của tiệm vàng KLT, sau khi biết L đã chiếm đoạt sợi dây chuyền của ông B thì anh Lục Thành L1 (đại diện hợp pháp của tiệm vàng) đã tự nguyện giao nộp lại sợi dây chuyền vàng nêu trên và không có yêu

cầu gì đối với Cao Hoàng L.

Cáo trạng số 40/CT-VKS-HS ngày 13/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Cao Hoàng L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Cao Hoàng L mức hình phạt tù 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Về trách Nệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 18/5/2019, Cao Hoàng L có hành vi dùng tay giật một sợi dây chuyền vàng 18K có trị giá 3.517.631đ (ba triệu năm trăm mười bảy nghìn sáu trăm ba mươi một đồng) của ông Nguyễn Văn B khi ông B là người già (74 tuổi). Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với Nguyễn Thị Ngọc N, ông Lục Thành L1, do tại thời điểm thực hiện hành vi cầm cổ, nhận cầm cổ sợi dây chuyền thì N, ông L đều không B đây là tài sản do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo B hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xử lý hình sự nhưng vẫn không tích cực cải tạo, điều đó chứng tỏ bị cáo là phần tử nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do ông Nguyễn Văn B và Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại KLT đều không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo nộp 1.520.000 đồng thu lợi chất chính sung ngân sách Nhà nước.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách Nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Cao Hoàng L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Cao Hoàng L 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/5/2019.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4/ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo nộp 1.520.000đ (một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) thu lợi chất chính sung ngân sách Nhà nước.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo